

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày: 23-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thành Tâm.
- Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXX - DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐHPT-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT; địa chỉ: Số 266-268 NKKN, phường VTS, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai xuân T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 28 HV, khu phố X, phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương.

Theo Văn bản uỷ quyền ngày 29/12/2023. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Hoàng O, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 9, khu phố L Ô, phường AT, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/11/2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT là ông Mai xuân T trình bày:

Ngày 06/02/2024, giữa Ngân hàng TMCP SGTT và bà Lê Hoàng O có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm

hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà O, Ngân hàng TMCP SGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà O đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 36.390.275 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt cho đến nay, bà O đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 1.857.593 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà O vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ nên ngày 05/8/2024, Ngân hàng TMCP SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán toàn bộ khoản nợ đến hết ngày 23/4/2025 là:

- Nợ gốc 34.437.428 đồng;
- Lãi trong hạn 8.058.436 đồng;
- Lãi quá hạn 4.029.227 đồng;
- Tổng cộng 45.525.091 đồng.

Bà O còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 06/02/2024.

Đối với bị đơn bà Lê Hoàng O: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức trực tiếp và niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà O không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt là chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng với hình thức cho vay và việc cho vay phải lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bà O có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/02/2024. Do vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Hoàng O có địa chỉ tại phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức trực tiếp và niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà O vẫn vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về chứng cứ:

Tòa án đã công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ theo Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 14/3/2025 và Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/3/2025 đến bị đơn thông qua hình thức niêm yết. Nguyên đơn không có yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng; bị đơn không đến tham gia phiên tòa, không có ý kiến khiếu nại hay yêu cầu thu thập thêm chứng cứ. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[5] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định cho bà O nhưng bà O vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do.

Theo hồ sơ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT cung cấp thể hiện:

Giữa Ngân hàng TMCP SGTT và bà O có ký Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 06/02/2024 với hạn mức 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng TMCP SGTT đã phát hành thẻ và bà O đã sử dụng thẻ.

Xét thấy, việc ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng là do các bên tự nguyện giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán toàn bộ khoản vay tại hợp đồng phát hành thẻ tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

Bà O có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tính đến hết ngày 23/4/2025 là 45.525.091 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 34.437.428 đồng;
- Lãi trong hạn 8.058.436 đồng;
- Lãi quá hạn 4.029.227 đồng.

Kể từ ngày 24/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, bà O còn phải chịu các khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 06/02/2024.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu.

Bà O phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT với bị đơn bà Lê Hoàng O về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Bà Lê Hoàng O có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tính đến hết ngày 23/4/2025 là 45.525.091 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 34.437.428 đồng;
- Lãi trong hạn 8.058.436 đồng;
- Lãi quá hạn 4.029.227 đồng.

Kể từ ngày 24/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, bà O còn phải chịu các khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 06/02/2024.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu. Hoàn trả Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 863.317 (tám trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm mười bảy) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005994 ngày 13/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

Bà Lê Hoàng O phải chịu số tiền 2.276.254 (hai triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi bốn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích